

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh và Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số N đường TĐT, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/2/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lại Phước Thượng K; sinh năm 1982; trú tại: Thôn D, xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Th; sinh năm 1985; trú tại: KANAGAWAKEN ATSUGISHI SANDA MINAMI-M-N-Y-X, JAPAN (Nhật Bản); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Lại Phước Thượng K đề ngày 11/02/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Lại Phước Thượng K trình bày: Anh và chị Phan Thị Th có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 23/5/2006 chị Th sinh cháu Lại Phước Vĩnh P. Vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian thì chị Th qua Nhật Bản định cư và không quay về Việt Nam sống cùng chồng con. Do không đoàn tụ được nên tình cảm của hai anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh K xin được ly hôn với chị Th để ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh K và chị Th có 1 con chung là cháu Lại Phước Vĩnh P, sinh ngày 23/5/2006, hiện đang sống cùng anh Lại Phước Thượng K. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Chị Phan Thị Th nhất trí với đề nghị nuôi con và cấp dưỡng của anh K .

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phan Thị Th: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu chị Th trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc anh K xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà anh K đề nghị Tòa án sao gửi cho chị Th.

Vào ngày 20/5/2022, Tòa án nhận được thư trả lời của chị Th, thư có nội dung: Chị đã nhận được tập văn bản sao tài liệu, công văn yêu cầu cung cấp lời khai và thông báo phiên họp công khai chứng cứ do Tòa án gửi cho chị. Chị Th đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh K; Về con chung: chị Th đồng ý với đề nghị của anh K về việc để anh K nuôi cháu Lại Phước Vĩnh P và không yêu cầu chị cấp dưỡng đối với cháu P; tài sản chung và nợ chung: chị Th đồng ý như ý kiến của anh K là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc không về Việt Nam tham gia phiên họp và phiên tòa nên chị Th đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn anh Lại Phước Thượng K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đối với bị đơn chị Phan Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn anh Lại Phước Thượng K và bị đơn chị Phan Thị Th thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; việc chị Th vắng mặt là do trở ngại khách quan và chị Th đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn anh Lại Phước Thượng K yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Phan Thị Th hiện đang cư trú tại Nhật Bản là có căn cứ pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị Th. Đối với con chung của anh K và chị Th là cháu Lại Phước Vĩnh P, sinh ngày 23/5/2006 hiện đang sống với anh K . Anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con; chị Th cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí đề nghị buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị Th, là người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, tại địa chỉ: KANAGAWAKEN ATSUGISHI SANDA MINAMI-M-N-Y-X, JAPAN (Nhật Bản) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Phan Thị T có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân của anh Lại Phước Thượng K và chị Phan Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định: Theo anh K xác định anh và chị Th kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2005; nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ngày 23/5/2006 chị Th sinh cháu Lại Phước Vĩnh P. Vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian thì chị Th qua Nhật Bản định cư và không quay về Việt Nam sống cùng chồng con. Do vợ chồng không đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, hiện nay anh K và chị Th mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: anh K và chị Th thống nhất xác định có 1 người con chung là cháu Lại Phước Vĩnh P, sinh ngày 23/5/2006, hiện đang sống cùng anh Lại Phước Thượng K. Anh K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Chị Th cũng đồng ý giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Do anh K không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh Lại Phước Thượng K và chị Phan Thị Th khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lại Phước Thượng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lại Phước Thượng K với chị Phan Thị Th.

Xử cho anh Lại Phước Thượng K được ly hôn với và chị Phan Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lại Phước Vĩnh P, sinh ngày 23/5/2006 cho anh Lại Phước Thượng K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Tài sản chung và nợ chung: Anh Lại Phước Thượng K và chị Phan Thị Th khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lại Phước Thượng K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000059 ngày 21/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; anh K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lại Phước Thượng K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Phan Thị Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TT Huế;
- UBND xã P, huyện PV tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự; Tổ Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú